

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1073/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân H; nơi ĐKKHKT: Đội 06, thôn AS, xã NH, huyện HL, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú: Đài Loan, Đài Loan, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H1; nơi cư trú: Thôn 7, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị Phạm Thị H1 kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2016, trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, cả hai đều không có việc làm ổn định, do kinh tế gia đình khó khăn nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2017, anh và chị H1 đã sống ly thân, không còn ai quan tâm có trách nhiệm với ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H1.

Về nuôi con: Anh và chị Phạm Thị H1 có con chung là Nguyễn Phạm Hải B, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2017. Anh nhất trí giao con chung cho chị Phạm Thị H1 nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh và chị Phạm Thị H1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai bị đơn là chị Phạm Thị H1 trình bày: Thống nhất với anh Nguyễn Xuân H về quá trình kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cũng đã cố gắng H giải nhiều lần nhưng không được. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về nuôi con và chia tài sản chung: Chị thống nhất với quan điểm của anh Nguyễn Xuân H.

Do anh Nguyễn Xuân H đang ở nước ngoài và không yêu cầu H giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành H giải.

Tại phiên tòa, cả anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 01 năm 2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Xuân H hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Xuân H đang ở nước ngoài, tài liệu của anh gửi về đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực chữ ký. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đồng thời ủy quyền cho người nhà nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh. Chị Phạm Thị H1 nhận tổng đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa do phải đi làm không tham dự phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, đơn trình bày của đại diện gia đình có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 hạnh phúc được khoảng một năm. Sau đó có

mâu thuẫn, thường xuyên xô xát và cãi vã nhau. Nguyên nhân do cả hai không có việc làm ổn định dẫn đến kinh tế khó khăn, thêm vào đó tính tình không phù hợp nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm tháng 4 năm 2017, giữa hai anh chị đã sống ly thân, ai chỉ biết bốn phận người đó. Thời điểm hiện nay anh Nguyễn Xuân H đang ở nước ngoài nên mâu thuẫn của anh chị không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Cả anh H và chị H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị ly hôn, như vậy việc anh Nguyễn Xuân H xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 không còn yêu thương nhau, ai chỉ biết bốn phận của người đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân H.

[4] Về nuôi con: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải B, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2017. Anh chị đều thống nhất giao con chung cho chị Phạm Thị H1 nuôi. Xét, từ khi anh Nguyễn Xuân H đi ra nước ngoài, chị Phạm Thị H1 là người nuôi con và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, như vậy thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con của anh Nguyễn Xuân H, chị Phạm Thị H1. Anh Nguyễn Xuân H, chị Phạm Thị H1 tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Anh Nguyễn Xuân H, chị Phạm Thị H1 không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H được ly hôn với chị Phạm Thị H1.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị H1 nuôi con chung là Nguyễn Phạm Hải B, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2017 cho chị Phạm Thị H1 nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị H1 không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010705 ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Xuân H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Phạm Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

